

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2020
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hùng Cường**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03-8-2020; Thông báo về việc dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 12-8-2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự ngày 27-8-2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Lệ T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-4-2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Trương Thị Lệ T trình bày:

Ngày 29/4/2005, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lê Văn V, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Lê Nhật M, sinh ngày 25/3/2006 và Lê Nhật T1, sinh ngày 23/4/2013 đang sống chung với anh V.

Về tài sản chung: Có nhưng chị không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung không hợp, thường xuyên cự cãi, trong công việc làm ăn thua lỗ, anh V thường xuyên kiểm chuyện chửi chị nhiều lần, hiện nay chị và anh V đã sống ly thân 01 năm nay, thời gian ly thân anh, chị không hàn gắn đoàn tụ được, nay chị yêu cầu được ly hôn.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con chung: Chị đồng ý giao 02 con chung tên Lê Nhựt M, sinh ngày 25/3/2006 và Lê Nhật T1, sinh ngày 23/4/2013 cho anh V nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có nhưng chị không tranh chấp, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Trương Thị Lệ T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê Văn V trình bày:

Ngày 29/4/2005, anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Lê Nhựt M, sinh ngày 25/3/2006 và Lê Nhật T1, sinh ngày 23/4/2013 đang sống chung với anh.

Về tài sản chung: Có nhưng anh không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân vợ xin ly hôn: Vợ chồng sống chung anh không có đánh chị T, có lúc vợ chồng làm ăn thất bại, vợ chồng cũng lời qua tiếng lại, nếu vợ chồng có chuyện gì cự cãi là chị T bỏ đi, hiện tại vợ chồng còn sống chung nhà với hai con chung không có sống ly thân, chị T mới đi thành phố Hồ Chí Minh mấy ngày nay, mục đích là đi lấy tiền của người ta thiếu những lần làm thuê trước, chị T đi vài ngày về chứ không phải vợ chồng sống ly thân, lúc chị T nộp đơn khởi kiện anh có khuyên chị T rút đơn lại nhiều lần nhưng chị T không đồng ý. Anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Nhựt M, sinh ngày 25/3/2006 và Lê Nhật T1, sinh ngày 23/4/2013 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có nhưng anh không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Lệ T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

02 Giấy khai sinh con (bản sao) 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Trương Thị Lệ T (photo); Bị đơn anh V không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về con chung: Chị Trương Thị Lệ T đồng ý giao 02 con chung tên Lê Nhựt M, sinh ngày 25/3/2006 và Lê Nhật T1, sinh ngày 23/4/2013 cho anh Lê Văn V nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con chung; Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh V không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V thống nhất không tranh chấp, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Lệ T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn V; Anh Lê Văn V không đồng ý ly hôn yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự trong các phiên hòa giải.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, vị đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận:

Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Lệ T được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con chung: Chị Trương Thị Lệ T đồng ý giao 02 con chung tên Lê Nhựt M, sinh ngày 25/3/2006 và Lê Nhật T1, sinh ngày 23/4/2013 cho anh Lê Văn V nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con chung; Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh V không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V thống nhất không tranh chấp, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lê Văn V có hộ khẩu thường trú ở huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn theo đơn khởi kiện chị T trình bày vợ chồng sống chung do làm ăn thất bại, anh V thường xuyên kiểm chuyện chửi chị, nên chị và anh V đã sống ly thân 01 năm đến nay, nên chị T xin được ly hôn với anh V. Bị đơn anh V không đồng ý ly hôn mà cho rằng anh còn thương chị T, thời gian sống chung anh không có đánh chị T, do làm ăn thất bại vợ chồng cũng có cự cãi qua lại, mỗi lần cự cãi thì chị T bỏ nhà đi rồi sau đó về vợ chồng vẫn sống chung nhà bình thường, hiện tại chị T mới đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê đợi lấy tiền của những lần làm thuê trước người ta chưa trả, khi nào lấy tiền xong thì chị T về chứ vợ chồng không có ly thân nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Ngày 21/8/2020 chị T có gửi đơn cho Tòa án yêu cầu được tiếp tục ly hôn với anh V và đến ngày 28/8/2020 tại biên bản lấy lời khai của Tòa án chị T vẫn yêu cầu được ly hôn với anh V, còn anh V thì không đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa chị T và anh V hiện nay không ai còn quan tâm lo lắng cho nhau bỏ mặt ai muốn sống ra sau thì sống, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh V.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung tên Lê Nhật M, sinh ngày 25/3/2006 và Lê Nhật T1, sinh ngày 23/4/2013 đang sống chung với anh V, anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Cháu Minh và cháu Tân có nguyện vọng được sống chung với anh V và chị T cũng thống nhất giao 02 con chung cho anh V nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận này của chị T và anh V là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do anh V không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Lệ T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Lệ T được ly hôn với anh Lê Văn V.

2. Về con chung: Chị Trương Thị Lệ T đồng ý giao 02 con chung tên Lê Nhựt M, sinh ngày 25/3/2006 và Lê Nhật T1, sinh ngày 23/4/2013 cho anh Lê Văn V nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con chung. Chị Trương Thị Lệ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh V không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trương Thị Lệ T và anh Lê Văn V thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007726, ngày 15-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Trương Thị Lệ T đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn V không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm